

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-VHXH

Tăng Nhơn Phú, ngày tháng năm 2025

Về việc hướng dẫn triển khai thực hiện chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho người học và chính sách phát triển giáo dục mầm non ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động từ năm học 2025-2026

Kính gửi:

- Hiệu trưởng các trường Trung học cơ sở;
- Hiệu trưởng các trường Tiểu học;
- Hiệu trưởng các trường Mầm non;
- Chủ các Nhóm trẻ, lớp Mẫu giáo, lớp Mầm non độc lập;
- Cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông;
- Trưởng 86 khu phố trên địa bàn phường.

Căn cứ Nghị quyết số 217/2025/QH15 của Quốc hội về miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Nghị quyết số 217/2025/QH15);

Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non (Nghị định số 105/2020/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (Nghị định số 238/2025/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực giáo dục; Thông tư số 15/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Văn hóa - Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Công văn số 5542/BGDĐT-KHTC ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện chính sách học phí; miễn, giảm, hỗ trợ học

phí và các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục đào tạo năm học 2025-2026 (Công văn số 5542/BGDĐT-KHTC);

Căn cứ Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về chính sách phát triển giáo dục mầm non ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND);

Căn cứ Nghị quyết số 40/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh từ năm học 2025 – 2026 (Nghị quyết số 40/2025/NQ-HĐND);

Căn cứ Nghị quyết số 41/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông tại cơ sở giáo dục dân lập, tư thục, cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông thuộc các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm học 2025 – 2026 (Nghị quyết số 41/2025/NQ-HĐND);

Căn cứ Công văn số 5870/VP-VX ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc chính sách học phí, miễn giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2025 (Công văn số 5870/VP-VX);

Thực hiện Công văn số 4479/SGDĐT-KHTC ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc hướng dẫn thực hiện chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2025 – 2026 (Công văn số 4479/SGDĐT-KHTC).

Ủy ban nhân dân phường Tăng Nhơn Phú hướng dẫn thực hiện chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho người học và chính sách phát triển giáo dục mầm non ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động từ năm học 2025 - 2026, cụ thể như sau:

I. HỌC PHÍ ĐỐI VỚI TRẺ EM MẦM NON, HỌC SINH PHỔ THÔNG, NGƯỜI HỌC CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP

1. Học phí

a) Từ năm học 2025 - 2026 trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông (học viên theo học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và học viên theo học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông) trong **cơ sở giáo dục công lập** được miễn học phí theo quy định tại Nghị quyết số 217/2025/QH15 và Nghị định số 238/2025/NĐ-CP.

b) Mức học phí sau đây là cơ sở để xác định kinh phí ngân sách cấp bù, không phải mức thu thực tế đối với người học.

- Mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên được quy định tại Nghị quyết số 40/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh từ năm học 2025 – 2026, cụ thể như sau:

Đơn vị: đồng/học sinh/tháng

STT	Cấp học	Mức học phí
1	Mầm non	180.000
2	Tiểu học	80.000
3	Trung học cơ sở	100.000
4	Trung học phổ thông	120.000

- Mức học phí theo hình thức học trực tuyến (học Online) bằng 75% mức học phí của các cơ sở giáo dục công lập đã được ban hành. Mức học phí được làm tròn đến đơn vị nghìn đồng.

- Học phí đối với chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông trong cơ sở giáo dục công lập được áp dụng mức học phí tương đương với mức học phí của cơ sở giáo dục phổ thông công lập cùng cấp học.

2. Hồ sơ thủ tục, trình tự thực hiện miễn học phí trong cơ sở giáo dục mầm non công lập, cơ sở giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông

- Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 238/2025/NĐ- CP của Chính phủ.

- Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục công lập không phải nộp đơn đề nghị miễn học phí. Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày khai giảng năm học, Hiệu trưởng nhà trường có trách nhiệm lập và phê duyệt danh sách người học được miễn học phí.

3. Phương thức cấp bù tiền miễn học phí trong cơ sở giáo dục mầm non công lập, cơ sở giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

Riêng năm 2025, do Nghị quyết số 40/2025/NQ-HĐND mới ban hành nên kinh phí ngân sách sẽ cấp bù trong năm 2025 cụ thể: Các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập thực hiện lập dự toán kinh phí học phí gửi về Ủy ban nhân dân phường Tăng Nhơn Phú (Phòng Văn hóa – Xã hội) thẩm định, tổng hợp trình cấp thẩm quyền bổ sung kinh phí.

4. Cơ chế miễn học phí trong cơ sở giáo dục mầm non công lập, cơ sở giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông

Ngân sách nhà nước cấp bù đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông để thực hiện chính sách miễn học phí theo mức học phí nêu trên.

Kinh phí cấp bù miễn học phí được cấp theo thời gian học thực tế nhưng không quá 9 tháng/năm học đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông.

II. HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP ĐỐI VỚI TRẺ EM MẦM NON, HỌC SINH PHỔ THÔNG, NGƯỜI HỌC CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC

1. Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập

Theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Mức hỗ trợ

Mức hỗ trợ: 150.000 đồng/học sinh/tháng để mua sách, vở và các đồ dùng học tập khác. Thời gian được hưởng theo thời gian học thực tế và không quá 9 tháng/năm học và thực hiện chi trả 2 lần trong năm vào đầu các học kỳ của năm học.

3. Hồ sơ thủ tục, trình tự thực hiện hỗ trợ chi phí học tập

3.1. Hồ sơ thủ tục, trình tự thực hiện hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non công lập, cơ sở giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông

Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 18 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi kết thúc thời hạn nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí học tập, Hiệu trưởng nhà trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và phê duyệt danh sách người học được hỗ trợ chi phí học tập.

3.2. Hồ sơ thủ tục, trình tự thực hiện hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục, cơ sở giáo dục phổ thông tư thục, cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông tư thục, cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trong các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu

Thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 18 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

Thủ trưởng các cơ sở giáo dục chịu trách nhiệm lập và gửi danh sách người học được hỗ trợ **chi phí học tập** với mức 150.000 đồng/học sinh/tháng, thời gian được hưởng theo thời gian học thực tế và không quá 9 tháng/năm học gửi hồ sơ về Phòng Văn hóa – Xã hội phường trước ngày 10 tháng 12 hằng năm đối với Học kỳ I và trước ngày 10 tháng 5 đối với Học kỳ II để tổng hợp, thẩm định và trình Ủy ban nhân dân phường phê duyệt.

4. Phương thức chi trả tiền hỗ trợ chi phí học tập

4.1. Phương thức chi trả tiền chi phí học tập đối với các cơ sở công lập

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

4.2. Phương thức chi trả tiền miễn, giảm học phí, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với người học ở các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục; cơ sở giáo dục thuộc doanh nghiệp nhà nước, tổ chức kinh tế; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trong các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu

Phương thức thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

Ủy ban nhân dân phường chịu trách nhiệm chi trả trực tiếp (hoặc ủy quyền cho cơ sở giáo dục chi trả) cho cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông đang học tại các

cơ sở giáo dục trên địa bàn theo phân cấp quản lý nhà nước về giáo dục và quyết toán kinh phí hỗ trợ chi phí học tập.

5. Lập dự toán và quyết toán kinh phí chi phí học tập

Lập dự toán theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ. Quản lý và quyết toán kinh phí theo quy định tại Điều 24 Nghị định 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

III. THỰC HIỆN MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VÀ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

1. Đối tượng miễn, giảm học phí trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.

1.1. Đối tượng được miễn học phí

Thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

1.2. Đối tượng được giảm học phí và hỗ trợ học phí

Thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Hồ sơ thủ tục, trình tự thực hiện miễn, giảm học phí

2.1. Hồ sơ thủ tục, trình tự thực hiện miễn, giảm học phí trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập

Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi kết thúc thời hạn nộp hồ sơ đề nghị miễn, giảm học phí, Thủ trưởng cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học có trách nhiệm xét duyệt hồ sơ và phê duyệt danh sách người học được miễn, giảm học phí.

2.2. Hồ sơ thủ tục, trình tự thực hiện miễn, giảm học phí trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học thuộc tổ chức kinh tế, doanh nghiệp nhà nước

Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 18 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi kết thúc thời hạn nộp hồ sơ đề nghị miễn, giảm học phí, Thủ trưởng cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học có trách nhiệm xác nhận hồ sơ miễn, giảm học phí đối với người học theo mẫu tại

Phụ lục V Nghị định số 238/2025/NĐ-CP; đồng thời lập danh sách người học được miễn, giảm học phí theo mẫu tại Phụ lục VI Nghị định số 238/2025/NĐ-CP gửi hồ sơ về Phòng Văn hóa – Xã hội phường trước ngày 10 tháng 12 hằng năm đối với Học kỳ I và trước ngày 10 tháng 5 đối với Học kỳ II để tổng hợp, thẩm định và trình Ủy ban nhân dân phường phê duyệt (người học có đăng ký thường trú trên địa bàn phường Tăng Nhơn Phú).

3. Cơ chế miễn, giảm học phí trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học

Thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ trong đó lưu ý về cấp bù kinh phí miễn giảm học phí được quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP.

“2. Ngân sách nhà nước có trách nhiệm cấp bù tiền miễn, giảm học phí đối với người học tại cơ sở giáo dục công lập, cụ thể như sau:

a) Nhà nước cấp bù tiền miễn học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông để thực hiện việc miễn học phí đối với người học thuộc các đối tượng miễn học phí quy định tại Nghị định này theo mức do Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định. ...

c) Nhà nước cấp bù tiền miễn, giảm học phí đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học công lập để thực hiện chính sách miễn, giảm học phí đối với người học thuộc các đối tượng miễn, giảm học phí theo mức thu học phí của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học công lập, nhưng tối đa không quá mức trần học phí quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 10 Nghị định này tương ứng với từng năm học và ngành, khối ngành đào tạo...”.

IV. HỖ TRỢ HỌC PHÍ ĐỐI VỚI TRẺ EM MẦM NON, HỌC SINH PHỔ THÔNG, NGƯỜI HỌC CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC DÂN LẬP, TƯ THỰC

1. Đối tượng được hỗ trợ học phí

Từ năm học 2025 - 2026 trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thực được hỗ trợ học phí theo quy định tại Nghị quyết số 217/2025/QH15 và điểm a khoản 3 Điều 16 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Mức hỗ trợ

Mức hỗ trợ từ năm học 2025 - 2026 theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2025/NQ-HĐND và Nghị quyết số 40/2025/NQ-HĐND cụ thể theo mức tại mục I.1 Công văn này.

3. Hồ sơ thủ tục, trình tự thực hiện

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày khai giảng năm học, Hiệu trưởng nhà trường, Chủ cơ sở có trách nhiệm lập danh sách học sinh được hỗ trợ học phí, theo mức hỗ trợ học phí tại mục I.1 công văn này gửi về Ủy ban nhân dân phường (thông qua Phòng Văn hóa – xã hội) để tổng hợp, báo cáo.

Thủ trưởng các cơ sở giáo dục chịu trách nhiệm kiểm tra, lập danh sách học sinh và gửi danh sách học sinh được **hỗ trợ học phí** (*thời gian được hưởng theo thời gian học thực tế và không quá 9 tháng/năm học*) gửi hồ sơ về Phòng Văn hóa – Xã hội phường trước ngày 10 tháng 12 hằng năm đối với Học kỳ I và trước ngày 10 tháng 5 đối với Học kỳ II để tổng hợp, thẩm định và trình Ủy ban nhân dân phường phê duyệt.

Lưu ý: Thông tin học sinh phải được cập nhật trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh theo số lượng học sinh học thực tế tại trường.

4. Phương thức chi trả tiền hỗ trợ học phí đối với học sinh ở các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục

Phương thức thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

Ủy ban nhân dân phường chịu trách nhiệm chi trả trực tiếp (hoặc ủy quyền cho cơ sở giáo dục chi trả) cho cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn theo phân cấp quản lý nhà nước về giáo dục và quyết toán kinh phí hỗ trợ học phí.

Lưu ý: Trường hợp có sự trùng lặp về đối tượng hưởng chính sách miễn, giảm, hỗ trợ học phí và hỗ trợ chi phí học tập quy định tại Nghị định này với các văn bản quy phạm pháp luật khác đang thực hiện có mức hỗ trợ cao hơn thì được hưởng theo mức hỗ trợ cao hơn quy định tại văn bản pháp luật khác.

V. THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC MẦM NON Ở ĐỊA BÀN CÓ KHU CÔNG NGHIỆP, NƠI CÓ NHIỀU LAO ĐỘNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

1. Đối tượng được hỗ trợ

a) Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 10 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.

b) Các đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 81 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

2. Nội dung hỗ trợ và các mức hỗ trợ

2.1. Hỗ trợ đối với các cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp và nhà trẻ, lớp mẫu giáo ở nơi có nhiều lao động

Hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất 01 lần bao gồm: trang bị đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học theo danh mục quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hỗ trợ kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất để phục vụ trực tiếp cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em. Cụ thể:

a) Cơ sở giáo dục mầm non độc lập ở địa bàn có khu công nghiệp và nhà trẻ, lớp mẫu giáo ở nơi có nhiều lao động có dưới 30 trẻ được hỗ trợ 35.000.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu đồng*);

b) Cơ sở giáo dục mầm non độc lập ở địa bàn có khu công nghiệp và nhà trẻ, lớp mẫu giáo ở nơi có nhiều lao động có từ 30 trẻ đến dưới 50 trẻ được hỗ trợ 55.000.000 đồng (*năm mươi lăm triệu đồng*);

c) Cơ sở giáo dục mầm non độc lập ở địa bàn có khu công nghiệp và nhà trẻ, lớp mẫu giáo ở nơi có nhiều lao động có từ 50 trẻ đến 70 trẻ được hỗ trợ 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*).

d) Nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non ở nơi có nhiều lao động có trên 70 trẻ được hỗ trợ 70.000.000 đồng/cơ sở (*Bảy mươi triệu đồng*).

Lưu ý: Các cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp đã hưởng hỗ trợ theo Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về chính sách phát triển giáo dục mầm non ở địa bàn có khu công nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh thì không được hưởng chính sách hỗ trợ quy định ở Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND.

2.2. Hỗ trợ đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động

Hỗ trợ 240.000 đồng/trẻ/tháng (*Hai trăm bốn mươi ngàn đồng*). Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học.

Hồ sơ thủ tục, trình tự thực hiện

a) Đơn đề nghị trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động tại khu công nghiệp (Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP) có xác nhận của đơn vị sử dụng lao động nơi cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em đang công tác;

b) Giấy khai sinh hoặc sổ hộ khẩu hoặc giấy xác nhận tạm trú của trẻ em (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao để chứng thực).

2.3. Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp và giáo viên mầm non làm việc tại nhà trẻ, lớp mẫu giáo nơi có nhiều lao động

Hỗ trợ 1.000.000 đồng/người/tháng (*Một triệu đồng*). Thời gian hưởng hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học. Mức hỗ trợ này nằm ngoài mức lương thỏa thuận giữa chủ cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục với giáo viên và không dùng để tính đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.

Hồ sơ thủ tục, trình tự thực hiện

- Danh sách giáo viên được hưởng chính sách (Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP);

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao để chứng thực Hợp đồng lao động của giáo viên được hưởng chính sách.

2.4. Thời gian thực hiện

Thủ trưởng các cơ sở giáo dục mầm non tư thục, dân lập tổng hợp hồ sơ đề nghị và lập danh sách gửi hồ sơ về Phòng Văn hóa – Xã hội phường trước ngày 10 tháng 12 hằng năm đối với Học kỳ I và trước ngày 10 tháng 5 đối với Học kỳ II để tổng hợp, thẩm định và trình Ủy ban nhân dân phường phê duyệt.

3. Chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ mẫu giáo

3.1. Đối tượng hỗ trợ

Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.

3.2. Nội dung hỗ trợ

Trẻ em thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được hỗ trợ tiền ăn trưa là 160.000 đồng/trẻ/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học.

3.3. Hồ sơ thủ tục, trình tự thực hiện

- *Hồ sơ thủ tục:*

Trẻ em thuộc đối tượng trên thực hiện hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.

- *Về thời gian thực hiện:*

Thủ trưởng các cơ sở giáo dục mầm non tư thục, dân lập tổng hợp hồ sơ đề nghị và lập danh sách gửi hồ sơ về Phòng Văn hóa – Xã hội phường trước ngày 10 tháng 12 hàng năm đối với Học kỳ I và trước ngày 10 tháng 5 đối với Học kỳ II để tổng hợp, thẩm định và trình Ủy ban nhân dân phường phê duyệt.

VI. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

1. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường

Tham mưu Ủy ban nhân dân phường Tăng Nhơn Phú xem xét, bố trí dự toán kinh phí để thực hiện chế độ hỗ trợ theo quy định.

2. Phòng Văn hóa – Xã hội phường

Chịu trách nhiệm tổng hợp, rà soát, thẩm định số lượng trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn (không phân biệt nơi cư trú của người học); sinh viên, học viên cơ sở giáo dục nghề nghiệp và đại học tư thục; cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học thuộc doanh nghiệp nhà nước, tổ chức kinh tế (có địa chỉ thường trú trên địa bàn phường) tổng hợp danh sách theo từng đối tượng thụ hưởng và tham mưu Ủy ban nhân dân phường phê duyệt danh sách theo quy định.

Hàng năm xây dựng dự toán kinh phí trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán kinh phí thực hiện theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

Chịu trách nhiệm quản lý và cấp phát kinh phí hỗ trợ cho đối tượng được hỗ trợ và quyết toán kinh phí theo quy định.

Thực hiện báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo theo yêu cầu trước ngày 30 tháng 6 hàng năm để theo dõi kết quả thực hiện.

3. Đối với các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn phường

Có trách nhiệm rà soát, lập danh sách học sinh, người học và xác nhận thông tin của cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ hoặc người học đảm bảo đúng đối tượng và đúng thời gian quy định.

Công khai danh sách học sinh, người học theo từng đối tượng được hỗ trợ trên trang thông tin điện tử của đơn vị, niêm yết danh sách tại trụ sở làm việc của cơ quan để thuận tiện cho đối tượng hỗ trợ được nhận chế độ chính sách theo đúng quy định, thực hiện chi trả hỗ trợ bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản và chịu trách nhiệm giải trình nếu có thừa kiện xảy ra.

Đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp và đại học tư thục; cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học thuộc doanh nghiệp nhà nước, tổ chức kinh tế thông báo đến sinh viên, học viên các quy định về miễn, giảm học phí và nộp hồ sơ về Ủy ban nhân dân phường Tăng Nhơn Phú đảm bảo quy định.

4. Trường 86 khu phố trên địa bàn phường

Đề nghị Trường 86 Khu phố thông báo rộng rãi đến người dân, học sinh, sinh viên biết và nộp hồ sơ đúng quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc liên hệ Ủy ban nhân dân phường Tăng Nhơn Phú (thông qua Phòng Văn hóa – Xã hội) để được hỗ trợ.

Trên đây là công văn hướng dẫn triển khai thực hiện chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho người học và chính sách phát triển giáo dục mầm non ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động từ năm học 2025 - 2026, đề nghị Thủ trưởng các cơ sở giáo dục, các cá nhân có liên quan triển khai, thực hiện nghiêm túc công văn này./.

(Công văn này thay thế Công văn số 812/UBND-VHXX ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường Tăng Nhơn Phú về việc tiếp nhận hồ sơ và chi trả chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính Phủ).

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT HĐND - UBND phường;
- Phòng VHXX phường (để thực hiện);
- Phòng KTHT&ĐT phường (để phối hợp);
- Lưu: VT, VHXX (Thao).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Trung Hiếu

